

**BỘ CÔNG THƯƠNG  
VỤ KẾ HOẠCH**

-----

**CHUYÊN ĐỀ**  
**TỔNG HỢP CHIẾN LƯỢC, QUY HOẠCH VỀ**  
**PHÁT TRIỂN THƯƠNG MẠI KHU VỰC MIỀN NÚI, VÙNG SÂU,**  
**VÙNG XA VÀ HẢI ĐẢO ĐẾN NĂM 2020**

*Đơn vị thực hiện: Vụ Kế hoạch*

**Năm 2014**

## 1. Chủ trương, chính sách của Đảng và Nhà nước về quy hoạch phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo

### *1.1. Những chủ trương, chính sách về phát triển kinh tế, thương mại địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa và hải đảo*

Trong thời gian qua, Đảng, Nhà nước đã ban hành những chủ trương, cơ chế, chính sách phát triển kinh tế, thương mại trên địa bàn miền núi, vùng sâu vùng xa và hải đảo (MNVSVX&HĐ), cụ thể ngày 03 tháng 01 năm 1996 Nghị quyết số 12/NQ-TW của Bộ Chính trị về “Tiếp tục đổi mới tổ chức và hoạt động thương nghiệp, phát triển thị trường theo định hướng xã hội chủ nghĩa”. Trong đó đã ghi rõ: “Tổ chức hệ thống thương mại, dịch vụ gắn với quy hoạch phát triển trên từng địa bàn, bảo đảm mua bán thuận tiện, xác lập trật tự thị trường, thực hiện văn minh thương nghiệp; phát triển mạng lưới thương mại ở nông thôn, lấy chợ và các cụm kinh tế - thương mại dịch vụ ở thị trấn, thị tứ làm mô hình chủ yếu; thúc đẩy hình thành các cơ sở chế biến, phân loại đóng gói, vận chuyển gắn với các cửa hàng mua bán tư liệu sản xuất, vật tư nông nghiệp, nông sản thực phẩm, hàng tiêu dùng của thương nghiệp Nhà nước, hợp tác xã mua bán và các thành phần kinh tế khác tại các cụm kinh tế - thương mại dịch vụ; tạo lập các liên kết lâu dài, ổn định giữa sản xuất và thương nghiệp, qua đó thúc đẩy sản xuất, mở rộng thị trường, ổn định lưu thông và giá cả một số mặt hàng thiết yếu; phát triển thị trường miền núi, vùng sâu, vùng xa... củng cố và mở rộng mạng lưới thương nghiệp Nhà nước để mua bán sản phẩm và cung ứng đủ các mặt hàng chính sách đến các cụm xã...; mở rộng giao lưu, hoà nhập giữa các vùng, thúc đẩy hình thành các yếu tố của sản xuất hàng hoá...”.

Ngày 01 tháng 7 năm 2004, Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 37-NQ/TW về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2010; Kết luận số 26-KL/TW ngày 02 tháng 08 năm 2012 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 37-NQ/TW ngày 01 tháng 7 năm 2004 của Bộ Chính trị khoá IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng trung du và miền núi Bắc Bộ đến năm 2020; ngày 16 tháng 8 năm 2004, Bộ Chính trị khoá IX ban hành Nghị quyết số 39-NQ/TW, về phương hướng phát triển kinh tế - xã hội và đảm bảo quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2010; Kết luận số 25/KL/TW, ngày 2 tháng 8 năm 2012 của Bộ Chính trị tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 39-NQ/TW ngày 16 tháng 8 năm 2004 của Bộ Chính trị khoá IX nhằm đẩy mạnh phát triển kinh tế - xã hội và bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Bắc Trung bộ và duyên hải Trung bộ đến năm 2020; Bộ Chính trị ban hành Nghị quyết số 10 về phát triển kinh tế-xã hội, bảo đảm quốc phòng, an ninh vùng Tây Nguyên; Kết luận số 12-KL/TW ngày 24 tháng 10 năm 2011 của Bộ Chính trị về tiếp tục thực hiện Nghị quyết số 10-

KL/TW của Bộ Chính trị khóa IX nhằm phát triển vùng Tây Nguyên thời kỳ 2011 - 2020. Chủ trương của các nghị quyết và kết luận đối với lĩnh vực thương mại là đẩy mạnh hợp tác phát triển các hành lang kinh tế và vành đai kinh tế kết nối lưu thông hàng hoá giữa Việt Nam với các nước: Trung Quốc, Thái Lan, Lào, Campuchia và một số nước trong khu vực Asean. Định hướng hợp tác phát triển mậu dịch chính ngạch; hợp tác phát triển mậu dịch biên giới; hợp tác phát triển các khu kinh tế cửa khẩu, các trung tâm thương mại và các chợ biên giới; hợp tác về phát triển công nghiệp, tập trung vào lĩnh vực sản xuất hàng xuất khẩu.

Ngoài ra, Chính phủ đã ban hành các cơ chế chính sách phát triển kinh tế xã hội đối với khu vực MNVSVX&HĐ trong đó lồng ghép phát triển hệ thống chợ, đào tạo thương nhân về thương thức kinh doanh thương mại, hỗ trợ chi phí lưu thông vận chuyển hàng hoá thiết yếu phục vụ sản xuất và đời sống cho đồng bào, cư dân khu vực MNVSVX&HĐ tại các văn bản như: Quyết định số 186/2001/QĐ-TTg; Quyết định số 120/2003/QĐ-TTg; Quyết định số 134/2004/QĐ-TTg; Quyết định số 174/2004/QĐ-TTg; Các chương trình mục tiêu Quốc gia, Chương trình 135, Dự án 5 triệu ha rừng; các hỗ trợ có mục tiêu về phát triển khu kinh tế cửa khẩu, hạ tầng chợ, làng nghề; Nghị quyết số 30a/2008/NQ-CP về Chương trình hỗ trợ giảm nghèo nhanh, bền vững đối với 61 huyện nghèo...

Các chủ trương, cơ chế, chính sách này đã thể chế hóa bằng việc chuyển đổi cơ cấu kinh tế, từng bước mở rộng thị trường; đề ra những định hướng phát triển kinh tế - xã hội đối với địa bàn MNVSVX&HĐ trong giai đoạn tới đang và sẽ đặt ra những yêu cầu phát triển về số lượng, chất lượng dịch vụ ngành thương mại cũng như về cơ cấu, quy mô, phương thức kinh doanh, trình độ tổ chức và phân bố phát triển các hệ thống phân phối hàng hoá, không gian thị trường và kết cấu hạ tầng của ngành thương mại. Đồng thời, phân khu chức năng các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại tạo cơ sở cho phát triển thương mại phù hợp với trình độ phát triển của địa phương, phục vụ tốt nhất cho đời sống cư dân, thu hút và ổn định đời sống cư dân tại các MNVSVX&HĐ. Việc triển khai thực hiện các chủ trương, chính sách của Đảng, Nhà nước trong thời gian qua đã đạt được những kết quả nổi bật: Tính trung bình trong năm 2013, tổng mức bán lẻ hàng hóa và dịch vụ tại địa bàn miền núi, vùng sâu và vùng xa đạt khoảng 590.000 tỷ đồng, tại khu vực huyện đảo và huyện có xã đảo đạt khoảng 71.000 tỷ đồng. So với trung bình trong cả nước, con số này tương ứng chỉ đạt 25% và 3%.

Thương mại Nhà nước đã thực hiện có kết quả việc cung ứng các mặt hàng chính sách với đồng bào miền núi, dân tộc thiểu số. Với hơn 75% cụm xã có điểm bán hàng của thương nghiệp nhà nước (kể cả đại lý), trong những năm qua việc Nhà nước trợ giá, trợ cước một số mặt hàng thiết yếu đã góp phần quan trọng bình ổn thị trường, cải thiện đời sống đồng bào các dân tộc thiểu số. Thương mại dân doanh phát triển nhanh và ngày càng chiếm tỷ trọng cao trong bán lẻ, góp phần làm phong phú thị trường. Số liệu thống kê năm 2012 có 1.859.218 cơ sở kinh doanh cá thể phi nông nghiệp đang hoạt động ở các tỉnh miền núi, vùng cao. Tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tiêu dùng của các tỉnh vùng cao, miền núi trong 5 năm 2008-2012, trung bình đạt hơn 280.000 tỉ đồng/năm (tăng bình quân 19,35% năm). Những năm gần đây, hoạt động xuất - nhập khẩu của các tỉnh miền núi, vùng cao, nhất là các tỉnh có chung biên giới với Trung Quốc, Lào, Campuchia, được gia tăng mạnh mẽ cả về hình thức, kim ngạch và mặt hàng. Trong tổng số 43 cửa khẩu của cả nước (có 8 cửa khẩu quốc tế, 19 cửa khẩu quốc gia và 16 cửa khẩu tiểu ngạch) có hơn 80% cửa khẩu nằm ở các tỉnh miền núi, với 7/8 cửa khẩu quốc tế và 7/19 cửa khẩu quốc gia được áp dụng chính sách ưu đãi. Các chủ trương, chính sách này đã góp phần góp phần xóa đói giảm nghèo cho nhân dân ở các vùng khó khăn, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo tại nhiều địa phương, đẩy nhanh công cuộc công nghiệp hoá, hiện đại hoá đất nước.

### *1.2. Chủ trương chính sách phát triển quy hoạch hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo*

Ngày 16 tháng 01 năm 2012, Hội nghị lần thứ 4 Ban chấp hành Trung ương khóa XI đã ban hành Nghị quyết số 13/NQ-TW về xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ nhằm đưa nước ta cơ bản trở thành nước công nghiệp theo hướng hiện đại. Nghị quyết đã đề ra các quan điểm, mục tiêu, định hướng và các giải pháp chủ yếu phát triển đồng bộ các hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại trên phạm vi cả nước trong đó bao gồm kết cấu hạ tầng thương mại tại khu vực miền núi và các vùng sâu, vùng xa, hải đảo. Đối với vùng miền núi: Khuyến khích phát triển các ngành thương mại dịch vụ có nhu cầu diện tích đất lớn; chú trọng phát triển hạ tầng kinh tế-xã hội tại các khu vực biên giới, nhất là tại các cửa khẩu. Đẩy mạnh giảm nghèo bền vững, nâng cao thu nhập, không ngừng cải thiện đời sống và chất lượng dân số của đồng bào các dân tộc thiểu số. Đối với vùng biển, ven biển và hải đảo: Phát triển mạnh kinh tế biển tương xứng với vị thế và tiềm năng biển của nước ta, gắn phát triển kinh tế biển với bảo đảm quốc phòng, an ninh, bảo vệ chủ quyền vùng biển. Phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao như dịch vụ xuất, nhập khẩu, du

lich, dịch vụ nghề cá, ... Phát triển kinh tế đảo phù hợp với vị trí, tiềm năng và lợi thế của từng đảo.

Ngày 27 tháng 01 năm 2011, Thủ tướng Chính phủ đã ban hành Quyết định số 175/QĐ-TTg phê duyệt Chiến lược tổng thể phát triển khu vực dịch vụ của Việt Nam đến năm 2020. Quyết định đã xác định rõ quan điểm, mục tiêu và định hướng chiến lược phát triển các lĩnh vực dịch vụ chủ yếu của nền kinh tế quốc dân, trong đó đối với vùng trung du miền núi: Chú trọng phát triển các dịch vụ phục vụ nông lâm nghiệp và dịch vụ phục vụ đời sống ở nông thôn; chú trọng phát triển dịch vụ theo hướng khai thác tốt hạ tầng kinh tế, xã hội tại các khu kinh tế, trong đó có các khu kinh tế cửa khẩu, đẩy mạnh giao thương với các nước láng giềng. Khai thác các lợi thế liên quan đến phát triển các hành lang và vành đai kinh tế trong quan hệ phát triển và trao đổi dịch vụ với các quốc gia khác trong khu vực, quốc tế và với Trung Quốc. Đối với vùng biển, ven biển và hải đảo: Phát triển khu vực dịch vụ gắn với thực hiện Chiến lược biển Việt Nam đến năm 2020. Đa dạng hóa các ngành dịch vụ, nhất là các ngành có giá trị gia tăng cao, chất lượng cao với cơ sở hạ tầng hiện đại, phương thức kinh doanh tiên tiến. Phát triển các hoạt động logistics hỗ trợ cho hoạt động hàng hải.

Để thực hiện chủ trương xây dựng hệ thống kết cấu hạ tầng đồng bộ của Đảng, Chính phủ đã giao các ngành, các địa phương triển khai rà soát, hoàn thiện các chiến lược, quy hoạch phát triển ngành và quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng đến 2020 và tầm nhìn đến 2030. Đồng thời nghiên cứu xây dựng kế hoạch chung triển khai các hoạt động đầu tư phát triển, đề xuất các giải pháp chủ yếu và các chính sách đặc biệt đối với khu vực MNVSVX& HD trong thời kỳ từ nay đến năm 2020.

Thực hiện nhiệm vụ nêu trên, căn cứ quy định tại Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 7 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội và Nghị định số 04/2008/NĐ-CP ngày 11 tháng 01 năm 2008 về việc sửa đổi, bổ sung một số điều của Nghị định số 92/2006/NĐ-CP ngày 07 tháng 9 năm 2006 của Chính phủ về lập, phê duyệt và quản lý quy hoạch tổng thể phát triển kinh tế - xã hội, Bộ Công Thương đã xây dựng và trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt Chiến lược phát triển xuất nhập khẩu Việt Nam giai đoạn 2011-2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định 2471/QĐ-TTg ngày 28 tháng 12 năm 2011); Quy hoạch tổng thể phát triển thương mại Việt Nam giai đoạn 2011-2020 và định hướng đến năm 2030 đã được Bộ trưởng Bộ Công Thương phê duyệt tại Quyết định số 3098/QĐ-BCT ngày 24 tháng 6 năm 2011 đã chú trọng phát triển hệ thống hạ

tăng thương mại bán buôn, bán lẻ đáp ứng nhu cầu phân phối hàng hoá, trao đổi, mua bán của nhân dân tại vùng nông thôn, vùng sâu, vùng xa.

Ngoài ra, Bộ Công Thương đã lập và phê duyệt quy hoạch phát triển các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại trên phạm vi toàn quốc như: Quy hoạch tổng thể phát triển mạng lưới chợ toàn quốc trên phạm vi cả nước thời kỳ đến năm 2010 và tầm nhìn đến năm 2020 (Quyết định số 12/2007/QĐ-BCT ngày 26 tháng 12 năm 2007, đang được lập mới trong năm 2014); Quy hoạch phát triển mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại cả nước thời kỳ 2011-2020 và tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 6184/QĐ-BCT ngày 19 tháng 10 năm 2012); Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm hội chợ triển lãm trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 (Quyết định số 9428/QĐ-BCT ngày 13 tháng 12 năm 2013); Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm logistics trên địa bàn cả nước đến năm 2020, định hướng đến năm 2030 đang trình Thủ tướng Chính phủ phê duyệt và các quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối các mặt hàng thiết yếu như: Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối mặt hàng phân bón giai đoạn 2011-2020, có xét đến năm 2025 (Quyết định số 6868/QĐ-BCT ngày 27 tháng 12 năm 2010); Quy hoạch hệ thống sản xuất và phân phối xăng dầu giai đoạn 2010-2020, định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 2412/QĐ-BCT ngày 17 tháng 5 năm 2011); Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và hệ thống phân phối mặt hàng thép đến năm 2020, có xét đến năm 2025 (Quyết định 694/QĐ-BCT ngày 31 tháng 01 năm 2013); Quy hoạch phát triển hệ thống sản xuất và phân phối khí dầu mỏ hoá lỏng (LPG) đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 9858/QĐ-BCT ngày 24 tháng 12 năm 2013).

Các quy hoạch trên đã phân bố không gian cũng như định hướng phát triển một số loại hình hạ tầng thương mại phù hợp với lợi thế và điều kiện về nguồn lực của khu vực MNVSVX&HĐ, đề ra những cơ chế chính sách ưu đãi phù hợp và có hiệu quả, từ đó huy động được các nguồn vốn đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại tại khu vực MNVSVX&HĐ từ các thành phần kinh tế.

Xác định tầm quan trọng đối với phát triển hệ thống hạ tầng thương mại tại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, Bộ Công Thương đã lập và phê duyệt 10 quy hoạch phát triển thương mại và hệ thống hạ tầng thương mại tại các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, cụ thể: Quy hoạch phát triển hạ tầng thương mại đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang đến năm 2020 (Quyết định số 2241/QĐ-BCT ngày 13 tháng 5 năm 2009), Quyết định phê duyệt Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu dọc đường Hồ Chí Minh giai đoạn II đến năm 2015, định hướng đến năm 2020 (Quyết định số 3078/QĐ-BCT ngày 22

tháng 7 năm 2009), Quyết định phê duyệt điều chỉnh, bổ sung Quy hoạch hệ thống cửa hàng xăng dầu dọc đường Hồ Chí Minh giai đoạn I đến năm 2015, định hướng đến năm 2025 (Quyết định số 0794/QĐ-BCT ngày 5 tháng 2 năm 2010), Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam - Lào đến năm 2020 (Quyết định số 6076/QĐ-BCT ngày 15 tháng 10 năm 2012), Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ biên giới Việt Nam-Campuchia đến năm 2020 (Quyết định số 6077/QĐ-BCT ngày 15 tháng 10 năm 2012), Quy hoạch phát triển kết cấu hạ tầng thương mại Vùng Trung du miền núi Bắc Bộ đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 9527/QĐ-BCT ngày 16 tháng 12 năm 2013), Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại các huyện đảo đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 10147/QĐ-BCT ngày 30 tháng 12 năm 2013), Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại dọc tuyến biên giới Việt Trung đến năm 2020, có xét đến năm 2030 (Quyết định số 805/QĐ-BCT ngày 23 tháng 01 năm 2014), Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại dọc tuyến biên giới Việt Nam-Lào đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 6299/QĐ-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2014), Quy hoạch tổng thể phát triển công nghiệp, thương mại dọc tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 (Quyết định số 6300/QĐ-BCT ngày 15 tháng 7 năm 2014). Trong năm 2014, Bộ Công Thương đang triển khai lập 04 phát triển thương mại và hạ tầng thương mại khu vực MNVSVX&HĐ, cụ thể: Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại vùng Tây Nguyên đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, Quy hoạch phát triển công nghiệp, thương mại dọc tuyến đường Hồ Chí Minh đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035, Quy hoạch phát triển hệ thống kho hàng hoá khu vực các cửa khẩu biên giới Việt Nam - Trung Quốc đến năm 2025, tầm nhìn đến năm 2035.

Trên cơ sở các quy hoạch được phê duyệt, hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại khu vực MNVSVX&HĐ trong những năm gần đây được quan tâm đầu tư nên đã có nhiều cải thiện, bước đầu hình thành hệ thống phân phối hàng hoá như các chợ đầu mối, chợ dân sinh, cửa hàng bách hoá, cửa hiệu tạp hoá, đáp ứng nhu cầu sinh hoạt và sản xuất của đồng bào các dân tộc miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Hệ thống chợ cửa khẩu, chợ biên giới được đầu tư mới hoặc nâng cấp, sửa chữa, hoạt động kinh doanh thương mại qua chợ phát triển sôi động, phong phú, đã hình thành hệ thống kho bãi hàng hoá tại các cửa khẩu như: Móng Cái, Đồng Đăng, Hữu Nghị, Lào Cai, Ma Lu Thành, Tây Trang, Tà Lùng, Bờ Y, Lao Bảo, Cầu Treo, Hoa Lư, Thanh Thủy... Tại các khu cửa khẩu đã phát triển thành các đô thị, thị trấn, thị tứ, đời sống văn hóa, tinh thần của cư

dân được cải thiện; bộ mặt nông thôn miền núi đổi mới. Giao lưu kinh tế, thương mại cũng đã góp phần thúc đẩy giao lưu văn hóa nghệ thuật, phát triển đa dạng các ngành dịch vụ, du lịch.

Tuy nhiên, hệ thống hạ tầng thương mại phát triển chưa tương xứng với yêu cầu do còn thiếu sự quan tâm, hỗ trợ đầu tư từ vốn ngân sách nhà nước dẫn đến chưa tạo mối liên kết giữa thị trường nông thôn miền núi với thị trường thành thị, tình hình mua bán, trao đổi hàng hóa bị hạn chế và thu hẹp. Mặc dù hơn 60% cụm xã đã có chợ, song nhìn chung ở các tỉnh miền núi, nhất là vùng cao, mạng lưới chợ còn rất thưa thớt với quy mô nhỏ, cơ sở vật chất nghèo nàn. Điều đó cho thấy, hạ tầng thương mại đóng vai trò rất quan trọng trong phát triển thị trường, định hướng hoạt động sản xuất, thu hút và kích thích mọi nguồn lực đầu tư phát triển các ngành kinh tế-xã hội liên quan.

Đối với công tác quy hoạch, bên cạnh những kết quả đạt được thì cũng bộc lộ những hạn chế, một số quy hoạch còn chồng chéo, chưa phù hợp với tình hình thực tế, hiệu quả hoạt động và quản lý, tổ chức thực hiện quy hoạch chưa cao do đó, chưa phát huy hết được những tiềm năng, lợi thế của khu vực MNVSVX&HĐ.

## **2. Tổng quan về các chiến lược, quy hoạch phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo đến năm 2020 (nêu cụ thể văn bản, chính sách, quy hoạch...)**

Công tác lập và phê duyệt các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo đến năm 2020, tầm nhìn đến năm 2030 đã được chú trọng. Các quy hoạch này làm cơ sở cho việc xây dựng văn bản pháp quy thực hiện quản lý nhà nước đối với mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại thời kỳ từ nay đến năm 2020; làm căn cứ để thu hút các nhà đầu tư xây dựng các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo đến năm 2020; làm cơ sở cho các tỉnh có địa bàn là miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, có đường biên giới tiếp giáp với Trung Quốc, Lào và Campuchia xây dựng và tổ chức thực hiện quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ trên phạm vi lãnh thổ.

### *2.1. Về quan điểm phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo đến năm 2020*

#### a) Đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới

- Phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới với cơ cấu hợp lý, dựa trên cơ sở khai thác một cách hiệu quả các tiềm năng lợi thế, phù hợp với trình độ kinh tế, cơ cấu kinh tế, quy mô giao dịch, dòng vận



động hàng hoá, điều kiện giao thông, nguồn lực và văn hoá, phong tục, truyền thống địa phương.

- Phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới dựa trên tổng hòa các mối liên kết và quan hệ hợp tác phát triển giữa các địa bàn miền núi, biên giới, giữa khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới với khu vực thành thị.

- Phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới với tốc độ tăng trưởng nhanh và hiệu quả trên cơ sở phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại với quy mô phù hợp đóng góp trước hết và chủ yếu cho phát triển kinh tế, cải thiện đời sống vật chất, tinh thần của nhân dân các dân tộc; từng bước thu hẹp khoảng cách phát triển giữa khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới với mặt bằng kinh tế - xã hội chung của đất nước.

- Phân bố mạng lưới kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới một cách hợp lý, đồng bộ dựa trên các luận chứng khoa học và có trọng điểm tương thích với quy hoạch và kế hoạch phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và của các ngành kinh tế để tránh tình trạng lãng phí nguồn lực.

- Nhà nước tiếp tục tăng cường hỗ trợ đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới, đặc biệt là hệ thống chợ, đồng thời từng bước đẩy nhanh xã hội hoá trong đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại ở những nơi thuận lợi.

- Phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới kết hợp chặt chẽ với bảo đảm an ninh quốc phòng, trật tự an toàn xã hội, thúc đẩy du lịch, tăng cường giao lưu văn hóa và hợp tác quốc tế, phòng chống buôn lậu và bảo vệ môi trường sinh thái; góp phần xây dựng khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa, tuyến biên giới ổn định và phát triển bền vững.

#### b) Đối với khu vực hải đảo

- Phát triển thương mại khu vực hải đảo với nhịp độ tăng trưởng nhanh, bền vững, hiệu quả trên cơ sở phát huy các tiềm năng, lợi thế so sánh của các huyện đảo, nâng cao vai trò của ngành thương mại trong phát triển kinh tế - xã hội của từng huyện đảo, hỗ trợ và khai thác các tiềm năng phát triển du lịch nhằm thực hiện Chiến lược biển Việt Nam.

- Phát triển thương mại tại các huyện đảo trên cơ sở đa dạng về loại hình tổ chức, phương thức giao dịch và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh, đảm bảo hàng hóa thiết yếu cho nhu cầu trên đảo và hoạt động trên biển. Đồng thời phát triển thương mại tại các huyện đảo gắn với sự phát triển của thị trường trong vùng, có chú ý phát triển các nhân tố mới, kế thừa và phát huy các loại hình thương mại truyền thống nhằm tạo ra những thay đổi cơ bản về quy mô, cơ cấu và trình độ tổ chức kinh doanh, mở rộng liên kết thương mại và mở rộng thị trường giữa các

huyện đảo với các tỉnh trong và ngoài vùng, từ đó vươn ra thị trường ngoài nước.

- Kết hợp chặt chẽ giữa phát triển thương mại với phát triển kinh tế - xã hội của địa phương và khu vực, bảo đảm đáp ứng yêu cầu giữ gìn cảnh quan thiên nhiên, bảo đảm an ninh quốc phòng, phát triển du lịch biển, hợp tác quốc tế và bảo vệ môi trường.

## *2.2. Về mục tiêu phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo đến năm 2020*

a) Mục tiêu phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa đến năm 2020

### Mục tiêu tổng quát

Đến năm 2020 thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa luôn là ngành kinh tế quan trọng. Tốc độ tăng trưởng cao, tỷ trọng đóng góp của thương mại ngày càng tăng trong cơ cấu kinh tế của khu vực.

### Mục tiêu cụ thể

- Phần đầu đến năm 2020 tổng kim ngạch xuất khẩu của khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa tăng 16-20%.

- Tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ và doanh thu dịch vụ tiêu dùng giai đoạn đến năm 2020 đạt mức tăng trưởng bình quân 19,08%/năm, chiếm tỷ trọng khoảng 5% trong tổng giá trị lưu chuyển thương mại chung trên toàn quốc. Đưa mức bình quân tổng mức bán lẻ trên đầu người đạt 4,2 triệu đồng/người/năm.

- Bố trí xây dựng cơ sở hạ tầng, tập trung đầu tư cho các công trình giao thông, bến bãi, chợ, điện nước, các công trình phúc lợi xã hội,... tạo cơ sở vật chất cho phát triển thương mại bền vững và năng động.

- Phát triển thị trường theo hướng đảm bảo quan hệ cung - cầu các hàng hoá thiết yếu, đáp ứng nhu cầu đa dạng của sản xuất và tiêu dùng, hỗ trợ tiêu thụ hàng hoá sản xuất trong khu vực, đảm bảo ổn định nguồn hàng, góp phần giữ ổn định và mở rộng thị trường xuất khẩu.

b) Mục tiêu phát triển khu vực tuyến biên giới Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia đến năm 2020

### Mục tiêu tổng quát

Phần đầu đưa thương mại khu vực tuyến biên giới Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia đến năm 2020 từ chỗ chậm phát triển, kém phát triển trở thành phát triển, làm nòng cốt trong các khu vực kinh tế động lực phát triển của địa phương với cơ cấu kinh tế và mô hình tăng trưởng hợp lý,

phát huy cao độ các lợi thế so sánh về tài nguyên và thương mại; kết quả hoạt động của ngành thương mại đóng góp tỷ trọng chủ yếu vào quy mô và tốc độ tăng trưởng kinh tế của các địa phương trên tuyến biên giới.

#### Mục tiêu cụ thể

Tốc độ tăng trưởng bình quân tổng mức bán lẻ hàng hóa và doanh thu dịch vụ tuyến giai đoạn đến năm 2020 đạt khoảng 21,5%/năm; kim ngạch xuất nhập khẩu qua các cửa khẩu biên giới Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia tăng bình quân 15%/năm, trong đó kim ngạch xuất khẩu tăng 25%/năm, kim ngạch nhập khẩu tăng 8,7%/năm; giá trị tăng thêm của ngành thương mại các tuyến biên giới tăng bình quân 18,5%/năm.

#### c) Mục tiêu phát triển thương mại hải đảo đến năm 2020

##### Mục tiêu tổng quát

Phấn đấu thương mại tại các huyện đảo đạt tốc độ tăng trưởng nhanh, nâng cao giá trị gia tăng, góp phần chuyển dịch cơ cấu kinh tế và phân công lao động xã hội tại các huyện đảo, kết hợp với bảo đảm an ninh quốc phòng. Tăng tỷ trọng đóng góp của thương mại trong GDP của các huyện đảo, phấn đấu đến năm 2020 đưa thương mại tại các huyện đảo trở thành ngành kinh tế có vị trí quan trọng trong sự phát triển kinh tế - xã hội các tỉnh và vùng kinh tế có huyện đảo.

##### Mục tiêu cụ thể

Tốc độ tăng trưởng thương mại huyện đảo giai đoạn đến năm 2020 tăng bình quân 20%/năm đối với các huyện đảo xuất phát điểm thấp như Cô Tô, Vân Đồn, Côn Đảo, Phú Quốc. Các huyện đảo còn lại có tốc độ tăng trưởng bình quân 18%/năm.

- Đến năm 2020, các huyện đảo đều có chợ; cửa hàng kinh doanh xăng dầu; cửa hàng kinh doanh hàng hóa phục vụ nhu cầu thiết yếu; kho dự trữ hàng hóa; tại một số huyện đảo phát triển hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa và dịch vụ cũng như phát triển các loại hình thương mại hiện đại như siêu thị, trung tâm thương mại (Phú Quốc, Vân Đồn, Phú Quý...).

### *2.3. Quy hoạch phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo đến năm 2020*

#### *2.3.1. Quy hoạch phát triển thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa đến năm 2020*

##### a) Quy hoạch phát triển hệ thống chợ

Đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc do mật độ dân cư thấp, các tụ điểm dân cư có qui mô nhỏ nên sẽ tiếp tục chú trọng phát triển chợ truyền thống tại các trung tâm cụm xã nhằm phát huy những giá trị đậm nét bản

sắc văn hóa dân tộc và khuyến khích các hộ mở các điểm bán lẻ tại các cụm dân cư có qui mô từ 5 – 10 hộ trở lên hoặc tại các cụm dân cư nhỏ, nhưng có vị trí thuận tiện cho mua bán của các hộ dân cư lân cận.

Đối với các vùng sâu, vùng xa, vùng đồng bào dân tộc, cùng với quá trình tích tụ và tập trung dân cư do thực hiện quy hoạch sản xuất, quy hoạch giao thông, quy hoạch khu dân cư,... sẽ khuyến khích phát triển mới các cửa hàng bách hoá, cửa hàng chuyên doanh.

b) Quy hoạch phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm

Tại khu vực MNVSVX&HĐ sẽ chủ yếu xây dựng các siêu thị có quy mô nhỏ hạng III, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm hạng III. Tại khu vực cửa khẩu, khu kinh tế cửa khẩu sẽ xây dựng một số siêu thị hạng II

Khuyến khích các thành phần kinh tế đầu tư xây dựng siêu thị, trung tâm thương mại tại khu vực MNVSVX&HĐ, khuyến khích các thương nhân tham gia phát triển kinh doanh ở nhiều khâu, nhiều công đoạn khác nhau của quá trình tổ chức lưu thông hàng hóa từ sản xuất đến bán lẻ hàng hóa qua mạng lưới siêu thị, trung tâm thương mại. Khuyến khích các doanh nghiệp kinh doanh siêu thị, trung tâm thương mại phát triển mối liên kết ổn định và lâu dài với cơ sở công nghiệp sản xuất hàng tiêu dùng, cơ sở chế biến nông sản, hợp tác xã thương mại và dịch vụ, với trang trại, cơ sở nuôi, trồng nông, lâm, thủy, hải sản để xây dựng nguồn hàng ổn định, giảm chi phí lưu thông và giá cả hàng hóa, nâng cao hiệu quả kinh doanh.

Giai đoạn đến năm 2020, Quy hoạch xây mới: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc xây mới 13 siêu thị, 5 TTTM, Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung xây mới 28 siêu thị, 7 TTTM, Vùng Tây Nguyên xây mới 5 siêu thị, 2 TTTM

Cải tạo, nâng cấp: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc cải tạo, nâng cấp 58 siêu thị, TTTM, Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung cải tạo nâng cấp 64 siêu thị, TTTM, Vùng Tây Nguyên cải tạo nâng cấp 8 siêu thị, TTTM

c) Quy hoạch phát triển trung tâm trung chuyên và kho vận

Phát triển trung tâm trung chuyên và kho vận dựa trên cơ sở nhu cầu lưu giữ, bảo quản hàng hóa (nhu cầu bảo quản hàng hóa của nhà sản xuất, nhà cung cấp và của nhà phân phối) của từng địa bàn cụ thể. Bảo đảm qui mô trung tâm trung chuyên và kho vận đáp ứng nhu cầu đủ lớn, mức độ tập trung cao và có tính ổn định thường xuyên.

Vị trí các trung tâm trung chuyên và kho vận thuận tiện kết nối với các hệ thống giao thông vận tải. Bám sát được kết cấu hạ tầng giao thông và các hành lang vận tải, bao gồm trục giao thông đường bộ (tỉnh lộ, quốc lộ), đường sắt,

đường sông và đường biển Sử dụng được ít nhất là một phương thức trong mạng lưới vận tải đa phương thức.

Giai đoạn đến năm 2020, Quy hoạch xây mới trung tâm trung chuyển và kho vận: Vùng Trung du và miền núi phía Bắc xây mới 03 trung tâm trung chuyển và kho vận, bao gồm 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại khu vực hành lang kinh tế Hà Nội - Lạng Sơn 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại khu vực hành lang kinh tế Hà Nội - Lào Cai, 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại khu vực hành lang kinh tế Tây Bắc; Vùng Bắc Trung Bộ và duyên hải miền Trung xây mới 05 trung tâm trung chuyển và kho vận, bao gồm 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại khu vực Thành phố Đà Nẵng, 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại hành lang kinh tế đường 8, đường 12A và duyên hải Bắc Trung Bộ, 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại hành lang kinh tế đường 9, 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại hành lang kinh tế đường 14B, 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại hành lang kinh tế đường 19 và duyên hải Nam Trung Bộ; Vùng Tây Nguyên xây mới 01 trung tâm trung chuyển và kho vận tại khu vực hành lang kinh tế Đông Trường Sơn.

*2.3.2. Quy hoạch phát triển thương mại khu vực tuyến biên giới Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia đến năm 2020*

a) Quy hoạch phát triển hệ thống chợ

- Quy hoạch phát triển hệ thống chợ tuyến biên giới Việt Nam-Trung Quốc

+ Xây dựng và nâng cấp mở rộng hệ thống chợ đường biên tại các lối mở phục vụ nhu cầu mua sắm, trao đổi hàng hóa của cư dân sinh sống ở khu vực biên giới, kết hợp xây dựng mới một số chợ cửa khẩu; Nâng cấp, mở các chợ hạng 3 tại các xã phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân cư trên địa bàn, đồng thời là nơi trao đổi, mua bán hàng nông sản thực phẩm.

+ Quy hoạch chi tiết hệ thống chợ biên giới Việt Trung

Tỉnh Điện Biên: tại huyện Mường Nhé, xây mới chợ loại 3 tại trung tâm huyện và xây mới 14 chợ xã;

Tỉnh Lai Châu: tại huyện Phong Thổ: xây mới 03 chợ hạng III (trong đó có 01 chợ trong khu kinh tế cửa khẩu Ma Lù Thàng) và nâng cấp cải tạo chợ thị trấn Pa So thành chợ hạng II, và một số chợ còn lại đảm bảo đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa tiêu dùng của người dân vùng biên; tại huyện Mường Tè: xây mới 02 chợ biên giới tại xã Thu Lũm và xã Ka Lăng, 02 chợ trung tâm xã Nậm Hàng và Mường Mô (với quy mô hạng III), nâng cấp cải tạo chợ Pắc Ma với quy mô hạng 3, các chợ dân sinh khác sẽ được cải tạo từng bước để đáp ứng nhu cầu trao đổi hàng hóa của cư dân; tại huyện Sìn Hồ, Lai Châu: xây mới 04 chợ, trong đó 01 chợ hạng II (chợ trung tâm thị trấn) và 03 chợ hạng III. Từng bước cải tạo các chợ dân sinh trong huyện;

Tỉnh Lào Cai: tại thành phố Lào Cai, xây mới 02 chợ hạng II (chợ trung tâm thị trấn). Từng bước cải tạo các chợ dân sinh trong thành phố. Kiên quyết di dời các chợ ven đường, chợ xếp làm ảnh hưởng đến giao thông và gây ô nhiễm môi trường; huyện Bát Xát, Lào Cai: xây mới 03 chợ, trong đó 01 chợ hạng II (chợ trung tâm thị trấn) và 02 chợ hạng III; huyện Bảo Thắng, Lào Cai: xây mới 01 chợ hạng II tại chợ trung tâm thị trấn và cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ ở các xã vùng biên; huyện Mường Khương, Lào Cai: xây mới 01 chợ hạng II tại chợ trung tâm thị trấn;

Tỉnh Hà Giang: tại huyện Xín Mần, tiếp tục cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ ở các xã vùng biên Nàn Xín, Xín Mần, Chí Cà, Pà Vây Sừ; huyện Hoàng Su Phì, Hà Giang: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ ở các xã các xã Bản Máy, Thàng Tín, Pồ Lồ và Thèn Chu Pìn; huyện Vị Xuyên, Hà Giang: xây dựng mới chợ thôn Mã Hoàng Phìn, xã Minh Tân và tiếp tục cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ ở các xã vùng biên Minh Tân, Thanh Thủy, Thanh Đức, Xin Chải, Lao Chải; huyện Quản Bạ, Hà Giang: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ ở các xã Nghĩa Thuận, Tùng Vài, Cao Mã Pờ, Cán Tỷ, Tả Ván; huyện Yên Minh, Hà Giang: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ ở các xã vùng biên giới Thăng Mỗ, Phú Lũng, Bạch Đích, Na Khê; huyện Đồng Văn, Hà Giang: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ ở các xã vùng biên giới Đồng Văn, Lũng Cú, Mã Lé, Lũng Táo, Xà Phìn, Sủng Là, thị trấn Phố Bàng, Phố Là, Phố Cáo; huyện Mèo Vạc, Hà Giang: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ ở các xã Sơn Vĩ, Thượng Phùng và Xín Cái;

Tỉnh Cao Bằng: tại huyện Bảo Lâm, cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ các xã Đức Hạnh; huyện Bảo Lạc, Cao Bằng: ưu tiên đầu tư nâng cấp chợ biên giới Cô Ba; cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ các xã vùng biên Xuân Trường, Khánh Xuân, Cô Ba, Thượng Hà, Cốc Pàng; huyện Thông Nông, Cao Bằng: ưu tiên đầu tư nâng cấp chợ biên giới Cần Yên; cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ các xã vùng biên Vị Quang, Cần Yên; huyện Hà Quảng, Cao Bằng: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh, đặc biệt là chợ các xã Sóc Hà, Trường Hà, Kéo Yên, Lũng Nặm, Vân An, Cải Viên, Nội Thôn, Tổng Cọt; huyện Trà Lĩnh, Cao Bằng: xây dựng mới chợ biên giới tại xã Tri Phương và cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh tại các xã vùng biên Tri Phương, Xuân Nội, Hùng Quốc, Quang Hán, Cô Mười; huyện Trùng Khánh, Cao Bằng: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh tại các xã vùng biên Đàm Thủy, Chi Viễn, Đình Phong, Ngọc Khê, Phong Nặm, Ngọc Chung, Lãng Yên; huyện Hạ Lang, Cao Bằng: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh tại các xã vùng biên Cô Ngân, Thị Hoa, Thái Đức, Việt Chu, Quang Long, Đồng Loan, Lý Quốc, Minh Long; huyện Phục Hòa, Cao Bằng: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh tại các xã vùng biên Mỹ Hưng, Đại Sơn, Cách Linh; huyện Thạch An, Cao Bằng: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh tại các xã, đặc biệt là xã vùng biên Đức Long;

Tỉnh Lạng Sơn: tại huyện Cao Lộc, xây mới chợ hạng 1 Đồng Đăng nằm trong trung tâm thương mại Đồng Đăng, chợ hạng 2: chợ Phú Lộc thành phố Lạng Sơn và chợ thị trấn Cao Lộc mới, chợ hạng 3: chợ xã Tân Thành, chợ xã Yên Thành, chợ trung tâm cụm xã Ba Sơn, chợ Bản Ngà, chợ trung tâm cụm xã Bản Mạc, chợ biên giới xã Bảo Lâm, xây mới các chợ tại các xã vùng biên Xuất Lễ, Cao Lâu, Lộc Thanh, Bảo Lâm; huyện Lộc Bình, Lạng Sơn: chợ hạng 3: chợ trung tâm cụm xã Bản Chu, chợ trung tâm cụm xã Xuân Tình, chợ trung tâm cụm xã Mẫu Sơn, chợ trung tâm cụm xã Nam Quan, chợ trung tâm cụm xã Tam Gia, chợ hạng 2: chợ trung tâm thị trấn Lộc Bình, chợ thị trấn Na Dương, chợ trong Khu Kinh tế cửa khẩu Tân Thanh, chợ nông, lâm sản loại 3 tại vị trí cách thị trấn Lộc Bình, xây mới các chợ xã, đặc biệt là xã vùng biên Tam Gia, Tú Mịch, Yên Khoái, Mẫu Sơn; huyện Tràng Định, Lạng Sơn: xây mới 6 chợ xã và 2 chợ biên giới, 1 chợ hạng III bán buôn nông, lâm sản, trái cây tại thị trấn Thất Khê, trên đường đi cửa khẩu Nà Nưa, 02 chợ hạng II trong 02 tại Nà Nưa và Bình Nghi và xây mới các chợ xã, đặc biệt là xã vùng biên Đào Viên, Tân Minh, Đội Cấn, Quốc Khánh; huyện Văn Lãng, Lạng Sơn: tiếp tục đầu tư nâng cấp chợ cửa khẩu Tân Thanh, chợ thị trấn Na Sầm, chợ Hữu Nghị và xây mới các chợ xã vùng biên Tân Mỹ, Tân Thanh, Thanh Long, Thụy Hùng, Trùng Khánh; huyện Đình Lập, Lạng Sơn: xây mới 4 chợ, nâng cấp cải tạo 2 chợ. Đặc biệt chú trọng việc nâng cấp chợ thị trấn Đình Lập từ loại 3 lên loại 2 và xây mới các xã, đặc biệt là xã vùng biên Bắc Xa, Bính Xá

Tỉnh Quảng Ninh: huyện Bình Liêu, đầu tư mở rộng chợ thị trấn thành trung tâm chính trị, văn hóa - xã hội, nơi giao lưu hàng hóa giữa các vùng; Từng bước hình thành chợ trung tâm thị trấn; huyện Hải Hà, Quảng Ninh: cải tạo, nâng cấp các chợ dân sinh tại các xã, đặc biệt là xã vùng biên Quảng Sơn, Quảng Đức.

- Quy hoạch phát triển hệ thống chợ tuyến biên giới Việt Nam-Lào

+ Phát triển hệ thống chợ cửa khẩu, chợ đường biên: Đầu tư xây dựng 72 chợ bao gồm 50 chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu và 22 chợ biên giới giáp đường biên;

+ Phát triển hệ thống chợ thị trấn, chợ trung tâm các huyện biên giới: đặt tại các thị trấn huyện, nơi dân cư sinh sống tập trung; chủ yếu có quy mô hạng II, diện tích (đất) tối thiểu từ 2.000 - 3.000m<sup>2</sup>. Trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Lào dự kiến nâng cấp cải tạo 39 chợ, xây mới 6 chợ;

+ Phát triển hệ thống chợ xã (không giáp đường biên) thuộc các huyện biên giới: ưu tiên xây mới chợ ở các xã chưa có chợ nhưng có nhu cầu mở chợ; nâng cấp cải tạo các chợ đã xuống cấp nghiêm trọng; di dời các chợ không đảm bảo yêu cầu về diện tích, an toàn giao thông; chủ yếu có quy mô hạng III, diện tích (đất) tối thiểu khoảng 1000m<sup>2</sup>. Trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Lào dự kiến nâng cấp cải tạo 177 chợ, xây mới 147 chợ, di dời 15 chợ.

- Quy hoạch phát triển hệ thống chợ tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia

+ Xây dựng mới và nâng cấp chợ đầu mối, hạng II, hạng III tại các thị trấn huyện, tại các xã, khu vực biên giới, cửa khẩu phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân cư trên địa bàn, đồng thời là nơi trao đổi, mua bán hàng nông sản thực phẩm

+ Phát triển hệ thống chợ biên giới, chợ cửa khẩu, chợ trong khu kinh tế cửa khẩu: Chợ biên giới (hoàn toàn là bán lẻ hoặc chủ yếu là bán lẻ): diện tích tối thiểu là 2.000 m<sup>2</sup>. Chợ cửa khẩu (kể cả chợ cửa khẩu nằm trong khu kinh tế cửa khẩu) vừa bán buôn vừa bán lẻ (dịch vụ bán buôn cần nhiều các dịch vụ hỗ trợ và bổ sung): diện tích tối thiểu là 8.000 m<sup>2</sup>;

+ Phát triển hệ thống chợ đầu mối: xây mới tại Ngọc Hồi 02 chợ, nâng cấp tại Cư Jút 01 chợ, Đăk Mil 01 chợ;

+ Phát triển hệ thống chợ hạng 2: Ngọc Hồi 2 chợ, Sa Thầy 1 chợ, Ia Grai 1 chợ, Đức Cơ 2 chợ, Chư Prông 1 chợ, Đăk Mil 1 chợ, Đăk Song 1 chợ, Tuy Đức 1 chợ 1.

+ Phát triển hệ thống chợ hạng 3

Xây mới: Ngọc Hồi 11 chợ, Sa Thầy 7 chợ, Ia Grai 6 chợ, Đức Cơ 8 chợ, Chư Prông 15, Ea Súp 5 chợ, Buôn Đôn 2 chợ, Cư Jút 2 chợ, Đăk Mil 4 chợ Đăk Song 4 chợ, Tuy Đức 5 chợ, Bù Gia Mập 4 chợ, Bù Đốp 2 chợ, Lộc Ninh 7 chợ, Tân Châu 3 chợ, Tân Biên 1 chợ. Châu Thành 12 chợ, Bến cầu 5 chợ, Thạnh Hóa 4 chợ, Vĩnh Hưng 1 chợ, Trảng Bàng 4 chợ, thị xã Tân Châu 7 chợ, Tịnh Biên 2 chợ, Trí Tôn 5 chợ, Giang Thành 4 chợ, thị xã Hà Tiên 5 chợ.

Nâng cấp: Chư Prông 3 chợ, Ea Súp 5 chợ, Buôn Đôn 2 chợ, Đăk Mil 6 chợ, Bù Đốp 3 chợ, Lộc Ninh 5 chợ, Bù Gia Mập 6 chợ, Tân Châu 11 chợ. Thạnh Hóa 4 chợ, Tân Biên 1 chợ, Bến Cầu 3 chợ, Trảng Bàng 6 chợ, thị xã Hồng Ngự 6 chợ, thị xã Hà Tiên 1 chợ

b) Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị

- Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị tuyến biên giới Việt Nam-Trung Quốc

Xây dựng và nâng cấp các khu thương mại tại trung tâm các huyện, trong đó tập trung đầu tư phát triển nhanh ở các khu thương mại tại khu vực cửa khẩu Tân Thanh, cửa khẩu Móng Cái, cửa khẩu Lào Cai;

Xây dựng Trung tâm thương mại tại các khu Kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng, Lào Cai, Móng Cái, Thanh Thủy...;

Xây dựng siêu thị tổng hợp hạng 2 tại Hải Hà, Cao Lộc, Vị Xuyên. Đồng thời xây dựng và nâng cấp các siêu thị hạng 3 tại khu vực thị trấn các huyện biên giới.



- Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị tuyến biên giới Việt Nam-Lào

Phát triển hệ thống trung tâm mua sắm, siêu thị quy mô nhỏ (hạng III) tại các thị trấn, trung tâm huyện và các cửa khẩu (cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ), phục vụ tiêu dùng của cư dân tại chỗ và đáp ứng nhu cầu của khách du lịch; Phát triển một số trung tâm thương mại, siêu thị quy mô vừa (hạng II) tại các cửa khẩu quốc tế, chủ yếu phục vụ nhu cầu của khách vãng lai, thương nhân và nhà đầu tư; Diện tích mặt bằng tối thiểu khoảng 1.000 - 2.000 m<sup>2</sup>.

Trên toàn tuyến biên giới Việt Nam - Lào dự kiến xây mới 43 siêu thị, 4 trung tâm mua sắm, 3 trung tâm thương mại.

- Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia

+ Phát triển khu thương mại dịch vụ tại một số khu kinh tế cửa khẩu thuộc danh mục được Thủ tướng Chính phủ ưu tiên đầu tư từ nguồn Ngân sách Trung ương giai đoạn 2013 - 2020 tại Mộc Bài, Tây Ninh và An Giang tỉnh An Giang.

+ Phát triển hệ thống siêu thị quy mô vừa (hạng II) tại trung tâm huyện và các cửa khẩu quốc tế, cửa khẩu quốc gia như tại khu vực cửa khẩu: Đăk Puer, Bu Prăng, Hoa Lư, Vĩnh Xương, Khánh Bình, Xuân Tô, Xa Mát và tại khu vực trung tâm huyện: Ngọc Hội, Tráng Bàng, Tân Hồng, Hồng Ngự, Thị xã Tân Châu, Thành phố Châu Đốc phục vụ tiêu dùng của cư dân tại chỗ và đáp ứng nhu cầu của khách du lịch;

Phát triển hệ thống siêu thị quy mô nhỏ (hạng III) tại các thị xã, thị trấn, trung tâm huyện và các cửa khẩu chính, cửa khẩu phụ như tại khu vực thị trấn: Đăk Dục, Sa Thầy, Ia Kha, Chư ty, Chư Prông, Ea Súp, Đăk Mil, Đức An, Bù Gia Mập, Thanh Bình, Phước Thiện, Lộc Ninh, thị xã Kiến Tường, Tịnh Biên, Chi Lăng, Nhà Bàng, Tri Tôn, Ba Chúc, khu vực thị xã, thành phố: Hồng Ngự, Tân Châu và khu vực trung tâm (Thành phố Châu Đốc), Hà Tiên và khu vực cửa khẩu: Dinh Bà, Thường Phước, Vĩnh Xương, Khánh Bình, Hà Tiên.

+ Phát triển một số trung tâm mua sắm, trung tâm thương mại quy mô vừa (hạng II) tại các cửa khẩu quốc tế như khu vực cửa khẩu Hoàng Diệu, Vĩnh Xương và tại thị xã Tân Châu, thành phố Châu Đốc, thị xã Hà Tiên chủ yếu phục vụ nhu cầu của khách vãng lai, thương nhân và nhà đầu tư.

c) Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm trung chuyển và kho vận

- Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm trung chuyển và kho vận tuyến biên giới Việt Nam-Trung Quốc

Xây dựng trung tâm trung chuyển tại Khu kinh tế cửa khẩu Đồng Đăng, Lào Cai, Móng Cái và các hệ thống kho bãi tại các cửa khẩu Mường Khương,

Xín Mần, Thanh Thủy, Sóc Giang, Hùng Quốc, Tà Lùng, Hoành Mô và Bắc Phong Sinh.

- Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm trung chuyển và kho vận tuyến biên giới Việt Nam-Lào

Tiếp tục đẩy nhanh đầu tư để sớm hình thành và hoàn thiện các hệ thống trung tâm trung chuyển và kho vận bao gồm: hệ thống kho ngoại quan và hạ tầng cho dịch vụ hải quan, hệ thống kho bãi tập kết hàng hóa và bãi đỗ xe... tại 3 Khu kinh tế cửa khẩu (nhóm A) gồm Khu kinh tế cửa khẩu Cầu Treo (Hà Tĩnh) và Khu kinh tế thương mại đặc biệt Lao Bảo (Quảng Trị), Khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y (Kon Tum).

Khẩn trương hoàn chỉnh quy hoạch chi tiết, đẩy nhanh tiến độ triển khai giai đoạn 1 quá trình xây dựng kết cấu hạ tầng hệ thống trung tâm trung chuyển và kho vận, bao gồm các kho ngoại quan, bãi tập kết hàng hóa và bãi đỗ xe... tại các khu kinh tế cửa khẩu (nhóm B) còn lại gồm Khu kinh tế cửa khẩu Tây Trang (Điện Biên), Khu kinh tế cửa khẩu Loóng Sập và Khu kinh tế cửa khẩu Chiềng Khương (Sơn La), Khu kinh tế cửa khẩu Na Mèo (Thanh Hóa), Khu kinh tế cửa khẩu Nậm Cắn và Khu kinh tế cửa khẩu Thanh Thủy (Nghệ An), Khu kinh tế cửa khẩu Cha Lo (Quảng Bình), Khu kinh tế cửa khẩu A Đớt (Thừa Thiên Huế) và Khu kinh tế cửa khẩu Nam Giang (Quảng Nam).

- Quy hoạch phát triển hệ thống trung tâm trung chuyển và kho vận tuyến biên giới Việt Nam-Campuchia

Tập trung đầu tư có trọng điểm các trung tâm trung chuyển và kho vận phục vụ xuất, nhập khẩu và tiêu thụ hàng hóa tại các khu kinh tế cửa khẩu;

Tiếp tục đầu tư phát triển hệ thống trung tâm trung chuyển và kho vận theo mô hình trung tâm logistics nhằm phát huy lợi thế về thương mại xuất nhập khẩu khu vực biên giới.

Giai đoạn đến năm 2020 ưu tiên phát triển hệ thống trung tâm trung chuyển và kho vận sau: Ngọc Hồi 5 kho (khu kinh tế cửa khẩu Bờ Y), Ea Súp 1 kho (cửa khẩu Đăk Ruê), Tuy Đức 1 kho (cửa khẩu Bu Prăng), Tân Hồng 1 kho (cửa khẩu Dinh Bà), Hồng Ngự 1 kho (cửa khẩu Thường Phước), thị xã Tân Châu 1 kho (cửa khẩu Vĩnh Xương), An Phú 1 kho (cửa khẩu Khánh Bình), Tịnh Biên 1 kho (kho lúa gạo tại An Nông), Tri Tôn 1 kho (thị trấn Tri Tôn hoặc Ba Trúc), Giang Thành 2 kho (cửa khẩu Giang Thành), thị xã Hà Tiên 2 kho (cửa khẩu Hà Tiên).

### *2.3.3. Quy hoạch phát triển thương mại hải đảo đến năm 2020*

Phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại tại các huyện đảo đến năm 2020 theo hướng đầy đủ, đồng bộ, đối với hệ thống chợ: cải tạo, nâng cấp chợ huyện, chợ xã hiện có và xây mới các chợ tại các xã chưa có chợ; đối với hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại: phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm

thương mại tại các huyện đảo với mô từ 1000m<sup>2</sup> - 2000m<sup>2</sup>; đối với hệ thống kho hàng hoá: xây mới hệ thống kho dự trữ hàng hóa để đảm bảo các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu phục vụ công tác phòng chống lụt bão và tìm kiếm cứu nạn. Quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại tại các huyện đảo cụ thể như sau:

- Huyện đảo Cô Tô, Quảng Ninh: xây dựng mới 01 chợ, nâng tổng số chợ của huyện là 03 chợ. Đồng thời tiến hành nâng cấp các chợ hiện có và xây dựng thêm một số chợ phiên tại các xã chưa có chợ; phát triển thêm một số cửa hàng, cửa hiệu bán lẻ để phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân cư và khách du lịch; xây dựng 1 siêu thị với quy mô từ 1000 - 2000m<sup>2</sup>; xây dựng hệ thống kho hàng hoá ở các cảng, các chợ trung tâm, khu vực dịch vụ hậu cần nghề cá Cô Tô.

- Huyện đảo Vân Đồn, tỉnh Quảng Ninh: xây dựng mới 6 chợ, nâng tổng số chợ trên địa bàn huyện là 8 chợ; phát triển các cửa hàng, cửa hiệu nhằm phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân cư và khách du lịch trên địa bàn huyện đảo, bao gồm: cửa hàng bách hóa tổng hợp, bố trí tại các khu thương mại - dịch vụ ở trung tâm thị trấn Cái Rồng, cửa hàng chuyên doanh, bố trí tại các đường phố thương mại, trong các trung tâm mua sắm hoặc khu thương mại - dịch vụ, cửa hàng tiện lợi, bố trí tại trung tâm đô thị, đường phố thương mại, khu dân cư, khu du lịch, khu thương mại - dịch vụ..., cửa hàng lưu niệm, bố trí tại các khu, điểm du lịch, bến hành khách, bến xe du lịch ... bố trí gian hàng lưu niệm trong các cửa hàng bách hóa lớn, cửa hàng giới thiệu và trưng bày hàng hóa, bố trí tại khu sản xuất tập trung hoặc các khu du lịch; xây dựng 01 trung tâm thương mại và 02 siêu thị trên địa bàn huyện; xây dựng 01 kho dự trữ lương thực và hàng hóa thiết yếu trên địa bàn huyện đảo.

- Huyện đảo Bạch Long Vĩ, thành phố Hải Phòng: nâng cấp, cải tạo chợ Bạch Long Vĩ quy mô hạng II; xây dựng mới 1 chợ đầu mối thủy sản với diện tích khoảng 4.000 - 5.000m<sup>2</sup>; phát triển mạng lưới cửa hàng cửa hiệu vừa phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân cư trên địa bàn huyện, vừa phục vụ khách du lịch; xây dựng mới 01 kho dự trữ lương thực, vật tư, và hàng hóa thiết yếu trên địa bàn huyện đảo.

- Huyện đảo Cát Hải, thành phố Hải Phòng: Nâng cấp, cải tạo 04 chợ; giải tỏa, chuyển mục đích 01 chợ; xây mới chợ đầu mối thủy sản Cát Bà, với quy mô 15.000 m<sup>2</sup>; phát triển các cửa hàng, cửa hiệu để phục vụ nhu cầu tiêu dùng của dân cư huyện đảo cũng như phục vụ nhu cầu mua sắm của khách du lịch tới huyện đảo; xây dựng Trung tâm thương mại thị trấn Cát Bà trên cơ sở nâng cấp, mở rộng chợ huyện Cát Bà hiện có, xây mới 01 siêu thị tại thị trấn Cát Bà và 01 siêu thị tại Cát Hải; xây dựng một số kho dự trữ các mặt hàng tiêu dùng thiết yếu để phục vụ công tác phòng, chống, lụt bão và tìm kiếm cứu nạn trên địa bàn.

- Huyện đảo Côn Cỏ, tỉnh Quảng Trị: Nâng cấp 01 chợ hiện có và xây mới thêm 01 chợ; phát triển mạng lưới cửa hàng để phục vụ nhu cầu mua sắm của dân cư cũng như khách du lịch; xây dựng 01 kho dự trữ lương thực, vật tư và hàng hóa thiết yếu trên địa bàn huyện

- Huyện đảo Lý Sơn, tỉnh Quảng Ngãi: Nâng cấp, cải tạo 03 chợ hiện có trên địa bàn theo hướng khang trang, hiện đại; xây dựng 01 siêu thị tổng hợp phục vụ nhân dân và du khách; xây dựng 01 kho dự trữ lương thực, hàng hóa thiết yếu trên địa bàn huyện đảo.

- Huyện đảo Hoàng Sa, thành phố Đà Nẵng và huyện đảo Trường Sa, tỉnh Khánh Hòa: xây dựng chợ dân sinh hoặc phát triển cửa hàng bán lẻ để phục vụ nhu cầu mua sắm của dân cư cũng như khách du lịch; xây dựng 01 kho dự trữ lương thực, vật tư và hàng hóa thiết yếu trên địa bàn huyện.

- Huyện đảo Phú Quý, tỉnh Bình Thuận: Nâng cấp, mở rộng các chợ lên thành chợ hạng 3 bao gồm chợ Ngũ Phụng - thôn 3, xã Ngũ Phụng diện tích 12.000 m<sup>2</sup> và chợ thôn Phú An, xã Ngũ Phụng, với quy mô 1970 m<sup>2</sup>, giải tỏa các chợ: Long Hải - thôn 9, xã Long Hải, chợ Tam Thanh - thôn 6, xã Tam Thanh; xây mới các chợ với quy mô hạng 3: Long Hải - Khu quy hoạch xã Long Hải, với diện tích 3000 m<sup>2</sup> và chợ Tam Thanh - Khu quy hoạch xã Tam Thanh, với diện tích 3000 m<sup>2</sup>, xây mới chợ đầu mối hải sản Phú Quý kết hợp với định hướng phát triển Cảng Phú Quý, dịch vụ hậu cần nghề cá và hệ thống thông tin liên lạc, tài chính ngân hàng, từng bước xây dựng đảo Phú Quý thành trung tâm khai thác, bảo quản, chế biến và đầu mối thương mại hải sản lớn của vùng Nam Trung Bộ và cả nước; địa điểm xây dựng tại Cảng Phú Quý với quy mô 30.000 m<sup>2</sup>; quy hoạch xây mới Trung tâm thương mại Triều Dương, xã Tam Thanh với quy mô 10.000 m<sup>2</sup>; phát triển hệ thống cửa hàng kinh doanh tại địa bàn các xã; nâng cấp mở rộng kho bãi cảng Phú Quý với diện tích 20.000 m<sup>2</sup>.

- Huyện đảo Côn Đảo, tỉnh Bà Rịa Vũng Tàu: Xây mới 01 trung tâm mua sắm hạng III ở khu vực trung tâm (về phía công viên An Hải); xây dựng 02 siêu thị hạng III ở các khu dân cư để phục vụ cư dân và khách du lịch; phát triển các cửa hàng tiện lợi, cửa hàng chuyên doanh và tổng hợp, cửa hàng bán đồ lưu niệm... ở các khu dân cư, khu du lịch; xây mới 01 kho dự trữ hàng hóa quy mô từ 1 ha trở lên ở khu vực Bến Đầm để đảm bảo lưu thông hàng hóa thông suốt trên đảo khi có những sự cố thiên tai xảy ra.

- Huyện đảo Phú Quốc, tỉnh Kiên Giang: Nâng cấp, hiện đại hóa chợ thị trấn Dương Đông, chợ thị trấn An Thới thành chợ bán buôn, bán lẻ tổng hợp hạng I, diện tích 1 ha, nâng cấp, cải tạo chợ Gành Dầu, chợ Cầu Sáu thành chợ quy mô hạng III, diện tích 0,3ha chủ yếu để bán lẻ nông sản, thực phẩm tươi sống, cải tạo, nâng cấp chợ đêm thị trấn Dương Đông, di dời hoặc chuyên đổi mục đích sử dụng đối với chợ Hàm Ninh (do diện tích nhỏ), xây mới chợ dân sinh nông thôn ở nơi có nhu cầu, chú trọng các thị tứ, nơi tập trung dân cư, nơi tiếp giáp các khu dân cư liên xã hoặc gần các bến cá, cảng cá, phát triển chợ ẩm thực, chợ đêm ở thị trấn An Thới, khu đô thị Dương Tơ; phát triển hệ thống cửa hàng kinh doanh: cửa hàng bách hóa tổng hợp, bố trí tại các khu thương mại – dịch vụ ở trung tâm đô thị Dương Đông, Dương Tơ, An Thới, ..., cửa hàng chuyên doanh, bố trí tại các đường phố thương mại, trong các trung tâm mua sắm hoặc khu thương mại – dịch vụ, cửa hàng tiện lợi, bố trí tại trung tâm đô thị, đường phố thương mại, khu dân cư, khu du lịch, khu thương mại – dịch vụ,

khu phi thuế quan ..., cửa hàng lưu niệm, bố trí tại các khu, điểm du lịch, bến hành khách, bến xe du lịch ... bố trí gian hàng lưu niệm trong các cửa hàng bách hóa lớn, cửa hàng giới thiệu và trưng bày hàng hóa, bố trí tại khu sản xuất tập trung hoặc các khu du lịch, cửa hàng giảm giá, bố trí tại các khu thương mại - dịch vụ tập trung, các đường phố trung tâm, cửa hàng miễn thuế, bố trí tại sân bay quốc tế, bến cảng hành khách quốc tế, khu phi thuế quan, tại các khu thương mại - dịch vụ ở các đô thị trung tâm; Hình thành các trung tâm thương mại tại các khu đô thị Dương Đông, Dương Tơ và An Thới. Trong đó, trung tâm thương mại quốc tế đóng vai trò trọng yếu, cần được xây dựng ngang tầm với các trung tâm thương mại quốc tế trong khu vực, cụ thể: xây dựng trung tâm thương mại quốc tế tại khu đô thị mới Dương Tơ, diện tích khoảng 10 ha; xây dựng trung tâm mua sắm tại thị trấn Dương Đông và thị trấn An Thới với diện tích một trung tâm mua sắm khoảng 4 ha; xây dựng trung tâm bán buôn và Logistics: Hình thành trung tâm bán buôn hàng công nghiệp tiêu dùng ở bên ngoài khu đô thị Dương Đông, diện tích 10 ha, kết hợp phát triển dịch vụ logistics trong trung tâm bán buôn. Phát triển các siêu thị đa dạng về loại hình, quy mô, tính chất kinh doanh. Căn cứ vào quy mô dân số và khách du lịch ở từng địa bàn để xác định quy mô và tính chất kinh doanh của các siêu thị một cách phù hợp; phát triển các siêu thị gắn với sự hình thành và phát triển của các khu thương mại - dịch vụ, khu dân cư, khu đô thị mới, khu du lịch, khu phi thuế quan ..., từng bước thay thế các chợ truyền thống; Phát triển hệ thống siêu thị quy mô lớn xây dựng ở khu vực giáp ranh bên ngoài các đô thị trung tâm, siêu thị quy mô vừa xây dựng trong các khu đô thị, các trung tâm thương mại - dịch vụ, các khu dân cư ... siêu thị quy mô nhỏ xây dựng tại các khu du lịch, khu dân cư, khu phi thuế quan ...

Giai đoạn từ nay đến năm 2020, xây dựng các siêu thị quy mô hạng II và hạng III trong khu vực thị trấn Dương Đông, thị trấn An Thới; xây mới các siêu thị quy mô hạng I, II, III ở khu đô thị Dương Tơ, phát triển các siêu thị ở khu dân cư, khu đô thị mới, tại các khu du lịch nghỉ dưỡng tập trung nhiều khách du lịch ...

- Huyện đảo Kiên Hải, tỉnh Kiên Giang: Nâng cấp 04 chợ hiện có và xây mới chợ cá ở xã Lại Sơn; xây dựng Trung tâm thương mại Hòn Tre trên cơ sở nâng cấp chợ xã Hòn Tre; phát triển mạng lưới cửa hàng tại các xã của huyện, nhất là tại xã trung tâm Hòn Tre vừa để phục vụ cư dân huyện đảo, vừa phục vụ du khách; xây dựng 01 kho dự trữ lương thực, hàng hóa tại xã Hòn Tre nhằm giảm thiểu tăng giá đột xuất khi có mưa bão xảy ra.

### **3. Đánh giá thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại theo chiến lược, quy hoạch**

#### *3.1. Đánh giá chung*

##### a) Kết quả đạt được

- Công tác quy hoạch đã đi dần vào nề nếp, từng bước được thể chế hoá. Chất lượng các dự án quy hoạch phát triển thương mại và kết cấu hạ tầng thương mại được nâng lên một bước, các địa phương khu vực MNVSVX&HĐ đã chú trọng lập và phê duyệt các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, nhất là chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm trung chuyển và kho vận tạo sự liên kết và phát triển đồng bộ. Quy hoạch phát triển thương mại cả nước đã trở thành những định hướng phát triển các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại, đồng thời định hướng cho các tỉnh miền núi, doanh nghiệp đầu tư vào khu vực MNVSVX&HĐ khai thác có hiệu quả hoạt động sản xuất gắn kết với hệ thống phân phối, nâng cao hiệu quả đầu tư, tránh được sự chồng chéo. Dựa vào quy hoạch phát triển thương mại, quy hoạch phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại của địa phương, các tỉnh triển khai kế hoạch phát triển hàng năm, trong đó có kế hoạch tổng mức lưu chuyển hàng hoá bán lẻ, kế hoạch thu hút đầu tư phát triển hệ thống hạ tầng thương mại... đồng thời xây dựng các chương trình, dự án đầu tư và thực hiện tại các địa phương MNVSVX&HĐ .

- Thông qua việc lập và phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thương mại nói chung và kết cấu hạ tầng thương mại nói riêng, các địa phương đã xác định được nhu cầu và khả năng phát triển của từng loại hình kết cấu hạ tầng thương mại trên từng khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo cụ thể. Các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khu vực MNVSVX&HĐ cũng từng bước được chuẩn hóa để phù hợp với tiêu chí loại hình kết cấu hạ tầng thương mại chung của cả nước.

- Trên cơ sở các chiến lược, quy hoạch đã được phê duyệt trong giai đoạn vừa qua, nhất là trong các năm 2006-2010 và các năm 2011, 2012, 2013, trên địa bàn MNVSVX&HĐ, nhất là khu vực cửa khẩu của các địa phương các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại đã được đầu tư xây dựng và đưa vào hoạt động như hệ thống chợ, kho hàng hoá, siêu thị và trung tâm thương mại.

- Hệ thống chợ hiện nay đã và đang được Bộ Công Thương cũng như các địa phương có khu vực MNVSVX&HĐ chú trọng quy hoạch trong giai đoạn đến năm 2020, 2025 và tầm nhìn đến 2030, 2035, trong đó chú trọng đầu tư nâng cấp, bổ sung công năng đảm bảo kết hợp hài hoà giữa truyền thống với hiện đại, phù hợp với phong tục, tập quán của đồng bào đồng thời đảm bảo an toàn thực phẩm trong các chợ. Điều này sẽ góp phần tạo ra diện mạo mới của thị trường khu vực MNVSVX&HĐ nói chung và thương mại miền núi, vùng sâu, vùng xa, hải đảo nungleng theo hướng văn minh, hiện đại.

- Các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại tại các khu vực cửa khẩu, khu kinh tế cửa khẩu, khu vực MNVSVX&HĐ đã và đang được đầu tư theo quy hoạch của Trung ương và địa phương. Điều đó mang lại những điều kiện thuận lợi hơn cho phát triển hoạt động thương mại biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng

xa và hải đảo, kết nối khu vực MNVSVX&HĐ với khu vực thành thị, nông thôn của các địa phương và kết nối với các vùng kinh tế trong cả nước.

b) Hạn chế và nguyên nhân

- Việc lập và phê duyệt quy hoạch các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại còn chậm hơn so với xu hướng phát triển. Ví dụ, loại hình siêu thị ở nước ta đã bắt đầu xu hướng phát triển mạnh vào giai đoạn 2000-2005, nhưng đến năm 2011-2012, Bộ Công Thương mới lập và phê duyệt quy hoạch loại hình kết cấu hạ tầng thương mại này. Hoặc loại hình trung tâm trung chuyển và kho vận là kết cấu hạ tầng quan trọng cho hoạt động thương mại biên giới, miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, nhưng hầu hết các tỉnh miền núi chưa đưa vào quy hoạch.

- Tốc độ thực hiện quy hoạch các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại tại khu vực MNVSVX&HĐ còn chậm. Điều này được thể hiện ở số lượng, mật độ các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại hiện có trong khu vực thấp hơn so với khu vực thành thị, nông thôn và mức bình quân chung cả nước. Đồng thời, nhiều dự án thuộc Danh mục kết cấu hạ tầng thương mại trong các khu kinh tế cửa khẩu, khu vực cửa khẩu, tại các huyện đảo ưu tiên đầu tư vẫn chưa có nhà đầu tư hoặc chưa triển khai xây dựng.

Những hạn chế này có nguyên nhân sâu xa từ trình độ phát triển kinh tế khu vực MNVSVX&HĐ còn thấp. Lực lượng doanh nghiệp tại khu vực MNVSVX&HĐ nói chung và các doanh nghiệp thương mại, doanh nghiệp có dự án hạ tầng thương mại tại khu vực MNVSVX&HĐ nói riêng chủ yếu có quy mô vừa và nhỏ, tiềm lực đầu tư thấp. Đồng thời, những khó khăn về điều kiện tự nhiên, cơ sở hạ tầng cũng là những trở ngại lớn đối với các nhà đầu tư,... Bên cạnh đó còn các nguyên nhân chủ yếu, như:

- Công tác tổ chức thực hiện quy hoạch chưa được quan tâm đúng mức. Phần lớn các quy hoạch sau khi được phê duyệt chưa được công bố rộng rãi, chưa xây dựng được kế hoạch thực hiện quy hoạch, đặc biệt là kế hoạch sử dụng quỹ đất cho đầu tư kết cấu hạ tầng thương mại trên địa bàn khu vực MNVSVX&HĐ của các địa phương.

- Nguồn vốn hỗ trợ của ngân sách trung ương cho khu vực MNVSVX&HĐ, trong khi khu vực MNVSVX&HĐ có điều kiện hạ tầng kinh tế-kỹ thuật khó khăn, ngoài ra nguồn vốn cho phát triển các khu kinh tế cửa khẩu còn hạn chế và thường kéo dài, phân bổ đều cho các khu kinh tế cửa khẩu trong khi số lượng các khu kinh tế cửa khẩu và cửa khẩu khá nhiều. Hoạt động biên mậu ngày càng mở rộng trên tuyến biên giới Việt Nam-Trung Quốc, Việt Nam-Lào và Việt Nam-Campuchia làm cho hoạt động đầu tư khó tập trung hơn.

- Công tác xã hội hóa các hoạt động đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại, đặc biệt là chợ và các hạng mục công trình lớn chưa thu hút được

các nhà đầu tư trong và ngoài khu vực MNVSVX&HĐ, đến nay chưa thu hút được nhà đầu tư nước ngoài nào vào khu vực này.

### *3.2. Đánh giá thực trạng phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại theo chiến lược, quy hoạch*

#### a) Tình hình thực hiện quy hoạch chợ

Chợ là một trong những loại hình kết cấu hạ tầng thương mại được Bộ Công Thương cũng như các địa phương quan tâm và lập quy hoạch sớm hơn so với các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại khác. Hầu hết các tỉnh miền núi đã lập và phê duyệt quy hoạch phát triển mạng lưới chợ. Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ của các tỉnh miền núi, biên giới đã bám sát Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ cả nước, Quy hoạch phát triển mạng lưới chợ tuyến biên giới Việt Nam-Lào, Việt Nam-Campuchia, đồng thời rà soát điều chỉnh bổ sung cho phù hợp với đặc điểm tình hình phát triển kinh tế- xã hội của địa phương mình.

Trong thời kỳ 2001 - 2010, số lượng chợ khu vực MNVSVX&HĐ đã tăng tương đối nhanh. Năm 2001, số dân bình quân trên 1 chợ của khu vực MNVSVX&HĐ là 6,7 ngàn người, đến năm 2011 là 4,3 ngàn người/chợ. Số chợ xây mới khu vực MNVSVX&HĐ đã bắt đầu tăng chậm lại từ năm 2009-2011. Nhìn chung, tình hình thực hiện quy hoạch đạt so với quy hoạch đề ra.

#### b) Tình hình thực hiện quy hoạch trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, siêu thị

Tính đến cuối năm 2012, các tỉnh miền núi đã xây dựng và phê duyệt quy hoạch phát triển ngành thương mại. Riêng về quy hoạch phát triển hệ thống siêu thị, trung tâm thương mại, Bộ Công Thương và một số tỉnh miền núi đã lập và được phê duyệt, một số tỉnh miền núi đã lập và phê duyệt quy hoạch mạng lưới bán buôn, bán lẻ.

Tình hình thực hiện quy hoạch siêu thị, TTTM khu vực MNVSVX&HĐ so với chỉ tiêu quy hoạch đạt thấp. Chỉ một số thành phố, thị xã và trong khu kinh tế cửa khẩu xây dựng siêu thị, TTTM. Tuy nhiên trong số các siêu thị, TTTM tại khu vực MNVSVX&HĐ đã hoàn thành, đi vào hoạt động thì phần lớn chưa mang lại hiệu quả như mong muốn, người dân vẫn có thói quen mua bán qua hệ thống chợ truyền thống.



c) Tình hình thực hiện quy hoạch trung tâm trung chuyển và kho vận

- Các loại hình kết cấu hạ tầng thương mại này là một trong những hạng mục được xác định trong quy hoạch các khu kinh tế cửa khẩu do Thủ tướng Chính phủ phê duyệt. Theo Báo cáo của Sở Công Thương các tỉnh có cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu, tình hình thực hiện đầu tư đến năm 2012 như sau:

+ Các hạng mục công trình thuộc kết cấu hạ tầng thương mại tại nhiều khu cửa khẩu và khu kinh tế cửa khẩu hoặc là chưa được đăng ký đầu tư, hoặc là đã đăng ký đầu tư nhưng chưa thực hiện.

+ Các hạng mục kết cấu hạ tầng thương mại đã được đầu tư và đã hoàn thành chủ yếu là các chợ cửa khẩu, bãi đỗ xe, kho, bãi giao nhận hàng hóa, cửa hàng miễn thuế.

### 3.3. Bài học kinh nghiệm

- Phát triển thương mại cả nước nói chung và thương mại khu vực MNVSVX&HĐ nói riêng phải dựa trên cơ sở chiến lược, quy hoạch phát triển nhất quán, có khả năng liên kết và phối hợp theo chiều dọc và chiều ngang đối với các hoạt động phát triển, được thể hiện ngay từ trong khâu lập kế hoạch và tổ chức thực hiện. Chiến lược, quy hoạch chỉ có khả năng trở thành hiện thực nếu nó phát huy được tính tích cực và khả năng tham gia sáng tạo của đông đảo tầng lớp tri thức khoa học trong cộng đồng vùng, trước hết đối với việc xác định mục tiêu phát triển, ra quyết định và tổ chức thực hiện, đồng thời tạo cơ sở cho sự thiết lập mối liên kết phát triển thương mại, phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại giữa các khu vực và các vùng trong quá trình phát triển.

- Xây dựng và thực hiện cơ chế, chính sách khuyến khích để thu hút các dự án đầu tư hình thành một hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đồng bộ gồm mạng lưới chợ, siêu thị, trung tâm thương mại, trung tâm mua sắm, trung tâm trung chuyển và kho vận để từng bước tham gia vào chuỗi phân phối toàn cầu. Có chính sách thu hút công ty đa quốc gia, có chính sách ưu đãi đối với các công ty đa quốc gia có kế hoạch liên kết với các doanh nghiệp trong nước về phát triển hệ thống hạ tầng thương mại chuẩn mực quốc tế.

- Xây dựng các chính sách, quy định về thuế, phí, đất đai, quản lý ngoại hối... để thu hút, khuyến khích đầu tư nhiều hơn vào hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại, chú trọng phát triển hệ thống hạ tầng thương mại phục vụ xuất khẩu. Tăng cường thu hút đầu tư nước ngoài phát triển hệ thống hạ tầng thương mại tại các vùng miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

## 4. Đề xuất những giải pháp thực hiện quy hoạch

### 4.1. Giải pháp về vốn đầu tư

- Vận dụng các chính sách hiện hành về hỗ trợ và ưu đãi đầu tư đối với khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo để phát triển ngành thương mại,

nhất là trong đầu tư xây dựng kết cấu hạ tầng chợ, hạ tầng thương mại tại các khu kinh tế cửa khẩu... Sử dụng hiệu quả các nguồn vốn theo hướng đầu tư có trọng điểm.

- Lòng ghép nguồn vốn hỗ trợ từ các chương trình phát triển kinh tế - xã hội, chương trình xóa đói giảm nghèo của Nhà nước và các tổ chức xã hội để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Áp dụng chính sách ưu đãi hơn cho khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo là khu vực còn nhiều khó khăn cần được quan tâm và hỗ trợ để tạo đà phát triển.

- Xây dựng hệ thống chính sách ưu đãi, thông thoáng và tổ chức tốt công tác tuyên truyền, xúc tiến đầu tư để thu hút nguồn vốn của mọi thành phần kinh tế ở các khu vực khác trong và ngoài nước đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

- Ban hành cơ chế, chính sách khuyến khích ưu đãi đặc biệt để thu hút nguồn vốn từ các tập đoàn, tổng công ty lớn đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

- Khuyến khích phát triển các dự án liên doanh, liên kết, hợp tác đầu tư nhằm huy động tối đa mọi nguồn lực kinh doanh thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

- Tiếp tục cải thiện môi trường đầu tư, xây dựng cơ chế chính sách ưu đãi phù hợp tạo điều kiện cho các nhà đầu tư. Đồng thời tạo điều kiện thuận lợi để thu hút các dự án quy mô lớn và có sức lan tỏa đối với khu vực MNVSVX&HĐ.

#### 4.2. Phát triển kết cấu hạ tầng

- Tập trung phát triển hạ tầng giao thông và hạ tầng khu công nghiệp, khu kinh tế cửa khẩu, hệ thống vận tải, kho bãi, khu kiểm hóa tại các khu vực cửa khẩu, bến cảng, trong đó, đẩy nhanh tiến độ cải tạo và xây dựng các tuyến giao thông để tăng cường khả năng liên kết giữa các địa bàn và liên kết các phương thức vận tải tới khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo.

- Đầu tư phát triển đồng bộ hệ thống hạ tầng điện, nước, kết nối đến tường rào công trình thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo. Đồng thời đẩy nhanh tiến độ xây dựng kết cấu hạ tầng thương mại tại các khu vực cửa khẩu biên giới như kho tàng để bảo quản, chợ biên giới, khu gia công chế biến, phân loại đóng gói hàng hóa xuất khẩu.

#### 4.3 Hợp tác giữa các khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo; hợp tác giữa các địa phương có khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo

- Hợp tác, liên doanh để đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo, phát triển các ngành dịch

vụ hỗ trợ kinh doanh thương mại, liên kết phát triển thị trường nội địa và xuất khẩu.

- Lựa chọn xây dựng và triển khai các dự án kết cấu hạ tầng thương mại quy mô lớn mang tính liên kết vùng, tuyến, khu vực, làm hạt nhân lan tỏa và thúc đẩy sự phát triển của các ngành liên quan và của các khu vực khác.

- Thành lập Trung tâm điều phối hoạt động thương mại và xây dựng quy chế phối hợp trong quản lý thương mại khu vực miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo giữa các cơ quan chức năng ở Trung ương và Ủy ban nhân dân các tỉnh miền núi, vùng sâu, vùng xa và hải đảo nhằm tổ chức, quản lý, điều hành tốt hoạt động thương mại, đầu tư phát triển hệ thống kết cấu hạ tầng thương mại đồng thời thu thập đầy đủ, kịp thời và chính xác các thông tin liên quan đến thị trường, cơ chế, chính sách của các nước ASEAN, Trung Quốc... để cung cấp cho các doanh nghiệp xuất khẩu. Đồng thời điều tiết các hoạt động xuất khẩu nhằm đạt được hiệu quả nhất.

- Tiếp tục triển khai các hoạt động liên quan đến thành lập các Khu hợp tác kinh tế qua biên giới, phối hợp ban hành cơ chế chính sách quản lý thống nhất có sự phối hợp giám sát giữa các bên liên quan để phát huy tối đa lợi thế của mỗi bên và đảm bảo hài hòa lợi ích chung và thuận tiện cho hoạt động xuất, nhập khẩu hàng hóa.

#### 4.4. Phát triển thị trường

- Xây dựng chiến lược, kế hoạch mở rộng xuất khẩu sang thị trường các nước ASEAN và Trung Quốc. Chuyển dịch cơ cấu xuất khẩu sang thị trường Nhật Bản, Hàn Quốc, Trung Đông, EU, Mỹ theo hướng thâm nhập và phát triển xuất khẩu các nhóm hàng truyền thống có tỷ trọng kim ngạch lớn, chú trọng phát triển các mặt hàng tiềm năng, có tốc độ tăng trưởng và giá trị gia tăng cao.

- Khuyến khích các doanh nghiệp đầu tư sản xuất kinh doanh tại khu vực MNVSVX&HĐ. Tạo điều kiện tối đa để các doanh nghiệp này nhận được hợp đồng cung cấp sản phẩm đối với các dự án xóa đói giảm nghèo, dự án thuộc vùng sâu vùng xa... Khuyến khích, hỗ trợ các doanh nghiệp tham gia hội chợ, triển lãm và nâng cao khả năng tiếp thị.

- Xây dựng trang web cung cấp thông tin về công nghiệp, thương mại và thị trường để hỗ trợ doanh nghiệp khu vực MNVSVX&HĐ tìm kiếm đối tác, mở rộng thị trường. Nâng cao nhận thức của doanh nghiệp về phát triển thương hiệu, phát triển thị trường.

#### 4.5. Phát triển nguồn nhân lực

- Tăng cường đào tạo, bồi dưỡng nâng cao trình độ cho đội ngũ cán bộ, nhất là đội ngũ quản lý, lao động người dân tộc; chú trọng giáo dục tác phong công nghiệp cho nguồn lao động tại chỗ.

- Ưu tiên phát triển nguồn nhân lực trong các ngành công nghiệp có lợi thế, trong kinh doanh thương mại biên giới; có chính sách đãi ngộ thích đáng để thu hút và giữ nguồn nhân lực giỏi ở lại làm việc lâu dài.

4.6. Tăng cường công tác kiểm tra, giám sát thực hiện quy hoạch nhằm đảm bảo việc triển khai quy hoạch một cách thống nhất, tuân thủ phân bố không gian và liên kết khu vực MNVSVX&HĐ nhằm hạn chế việc đầu tư chồng chéo gây lãng phí; khai thác tối đa lợi thế của từng khu vực, từng địa phương và phát huy hiệu quả của các dự án đầu tư./.